

Bản án số: 105/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28 -11- 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Phụng.

2. Ông Nguyễn Thế Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 408/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1981. Hộ khẩu thường trú: Tổ A, thôn T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Chỗ ở: Tổ A, ấp H, xã Phước T, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ A, thôn T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc M và ông Lê Văn D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, sau đó bà M và ông D có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T (thị xã P), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 125, ngày 24/10/2008. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 20/10/1999 và cháu Lê Văn H, sinh ngày 27/01/2002.

Thời gian đầu thì vợ bà chung sống hạnh phúc tại tổ A, thôn T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Từ sau khi sinh cháu H, vợ chồng bà M luôn phát sinh mâu thuẫn do mối quan hệ giữa bà M và gia đình chồng không hòa hợp, bản thân ông D không thông cảm cho vợ, hay nhậu nhẹt, về khuya rồi ghen tuông, đánh đập bà M. Khi vợ chồng xô xát nhau, bà M có báo cho công an xã biết để can thiệp nhưng sau đó không lập biên bản vì bà không bị thương nặng. Do mâu thuẫn kéo dài nên từ khoảng năm 2014, bà M chuyển về tổ 1, ấp Hiền Đức, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai thuê nhà sinh sống. Hiện cháu Lê Văn H đang ở với ông D tại ấp Tân Ro, xã Châu Pha, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Trong thời gian ly thân, bà M có về thăm con và được biết ông D có người phụ nữ khác.

Nay bà M nhận thấy bà và ông D không còn tình cảm với nhau, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông D. Về con chung, cấp dưỡng: Bà M giao cháu Lê Văn H cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, bà M không cấp dưỡng nuôi con. Cháu H đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 11 năm 2018, ông Lê Văn D trình bày:

Ông D đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Ngọc M và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Văn H, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M. Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Giữa bà Trần Thị Ngọc M và ông Lê Văn D có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn gia đình nên bà M nộp đơn yêu cầu ly hôn, Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phú Mỹ nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ông Lê Văn D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, đồng thời được sự đồng ý của hai bên gia đình nên ông D và bà M tự nguyện tiến tới hôn nhân, vợ chồng ông D có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 125, ngày 24/10/2008. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà M và ông D là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà M trình bày, trong thời gian chung sống vợ chồng bà có phát sinh mâu thuẫn do ông D hay nhậu nhẹt rồi kiêu căng đánh đập bà, bản thân ông D có lối sống không chung thủy, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ khoảng năm 2014 cho đến nay. Lời trình bày của bà M về mâu thuẫn gia đình phù hợp với nội dung xác minh tại địa phương. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Lê Văn D đến Tòa án làm việc nhưng ông D gửi ý kiến đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa ông D và bà M không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn chính là do ông D hay nhậu nhẹt, không có ý thức xây dựng cuộc sống chung, không chung thủy, có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, vợ chồng không có lòng tin yêu, tôn trọng lẫn nhau nên gây căng thẳng trầm trọng tới mức không thể hàn gắn được trong quan hệ vợ chồng. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, thông báo hòa giải cho ông D nhưng ông D không đến Tòa làm việc đồng thời cũng không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Ngày 09/11/2018, ông D gửi ý kiến đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông D và bà M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của bà M về việc yêu cầu được ly hôn với ông D.

[2.2] Về nuôi con chung, cấp dưỡng:

Bà M và ông D có 02 con chung là cháu Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 20/10/1999 và cháu Lê Văn H, sinh ngày 27/01/2002. Khi ly hôn, bà M giao cháu Lê Văn H cho ông Lê Văn D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, bà M không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi bà M và ông D ly thân (năm 2014) đến nay thì cháu H sống ổn định với cha; sau khi vợ chồng ly hôn, ông D có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành; bản thân cháu H có nguyện vọng sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho ông D trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do ông D không yêu cầu cấp dưỡng nên bà M không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với cháu Lê Thị Ngọc H đã trưởng thành, bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc M đối với ông Lê Văn D về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Bà M được ly hôn với ông D.

Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Lê Văn H, sinh ngày 27/01/2002 cho ông Lê Văn D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Trần Thị Ngọc M không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn D và bà Trần Thị Ngọc M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào

số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004525 ngày 11/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà Trần Thị Ngọc M đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã C;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Xuân Hưng